

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 70/HALICO/2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY CỔ PHẦN CỒN RƯỢU HÀ NỘI**

Địa chỉ: 94 LÒ ĐÚC, PHƯỜNG PHẠM ĐÌNH HỒ, QUẬN HAI BÀ TRUNG,
HÀ NỘI

Địa chỉ nơi sản xuất: KCN YÊN PHONG, XÃ LONG CHÂU, HUYỆN YÊN
PHONG, TỈNH BẮC NINH

Điện thoại: 824.39763763

Fax: 824.39783575

Mobile: 0984258798

E-mail: cuongth@halico.com.vn/ hiennm@halico.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0100102245

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **NẮP NHÔM KÍCH THUỐC 28.4 x 18 mm**
MÀU XANH VỚI “VODKA HANOI” IN NỔI

2. Thành phần: Alluminum

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Không có hạn sử dụng

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Sản phẩm chứa trong túi nilon đóng
trong thùng carton

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Tên cơ sở sản xuất: GUALA CLOSURES UKRAINE LLC

- Địa chỉ: 18 Liniyna Street, 40007 Sumy, Ukraine



III. Mẫu nhãn sản phẩm

1. Nhãn chính:



◀ Embossing

2. Nhãn phụ:

1. **Tên sản phẩm:** Nắp nhôm kích thước 28,4 x 18 mm màu xanh với "Vodka Hanoi" in nổi
2. **Thành phần:** Alluminum
3. **Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:**
 - Hướng dẫn sử dụng: Dùng để tiếp xúc với thực phẩm
 - Bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, hợp vệ sinh, tránh xa lửa
4. **Quy cách đóng gói:**
5. **Xuất xứ:** Ukraine
 - Tên cơ sở sản xuất: GUALA CLOSURES UKRAINE LLC
 - Địa chỉ: 18 Liniyna Street, 40007 Sumy, Ukraine
6. **Thương nhân chịu trách nhiệm sản phẩm:**

Công ty Cổ Phần Cồn Rượu Hà Nội

Địa chỉ: Số 94 Lò Đúc, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
7. **Số công bố:** 70/HALICO/2019

Q2243
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CỒN RƯỢU
HÀ NỘI
TRUNG-TY

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Sản phẩm bao bì đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 12-3:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh an toàn thực phẩm đối với bao bì, dụng cụ bằng kim loại tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Thời nhiễm Asen (trong nước ở 60°C/30 phút)	µg/ mL	0,2
2	Thời nhiễm Asen (trong acid citric 0,5% ở 60°C/30 phút)	µg/ mL	0,2
3	Thời nhiễm Cadimi (trong nước ở 60°C/30 phút)	µg/ mL	0,1
4	Thời nhiễm Cadimi (trong acid citric 0,5% ở 60°C/30 phút)	µg/ mL	0,1
5	Thời nhiễm Chì (trong nước ở 60°C/30 phút)	µg/ mL	0,4
6	Thời nhiễm Chì (trong acid citric 0,5% ở 60°C /30 phút)	µg/ mL	0,4
7	Hàm lượng cặn khô (trong heptan ở 25°C /1 giờ)	µg/ mL	30
8	Hàm lượng cặn khô (trong ethanol 20% ở 60°C/30 phút)	µg/ mL	30
9	Hàm lượng cặn khô (trong nước ở 60°C/30 phút)	µg/ mL	30
10	Hàm lượng cặn khô (trong axit acetic 4% ở 60°C /30 phút)	µg/ mL	30

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2020

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Trần Hậu Cường



SỞ Y TẾ HÀ NỘI
HANOI DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
HANOI CENTER FOR DISEASE CONTROL
Địa chỉ/Address: 70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
Tel: 0243.773.0178 Email: khoa_xet_nghiem.ytdphn@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No.: 20.02.03.22

- Tên mẫu/Name of sample : Nắp nhôm size 28,4x18 màu xanh với "Vodka Hanoi" in nổi do GUALA CLOSURES UKRAINE LLC sản xuất - Phần kim loại
- Tên/địa chỉ khách hàng : Công ty cổ phần cồn Rượu Hà Nội
Name/Address of customer : Số 94 Lò Đức, Phường Phạm Đình Hổ, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
- Mô tả mẫu/Description : /
- Ngày nhận mẫu/Date of receiving sample : 03/02/2020
- Người lấy/gửi mẫu/The personnel performing/sending sample(s) : Khách hàng tự gửi mẫu/ By customer
- Ngày thực hiện thử nghiệm/The dates of testing activities : 03/02/2020 - 11/02/2020
- Kết quả thử nghiệm/Test results :

TT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit
1	Hàm lượng cặn khô (trong Heptan ở 25°C/1 giờ) /Evaporation residue (in Heptan at 25°C for 1 hour)	PL6.QCVN12-3:2011/BYT	µg/mL	< 1,0	QCVN 12-3:2011/BYT ≤ 30 µg/mL
2	Hàm lượng cặn khô (trong etanol 20% ở 60°C/30 phút) /Evaporation residue (in ethanol 20% at 60°C for 30 min)	PL6.QCVN12-3:2011/BYT	µg/mL	< 1,0	QCVN 12-3:2011/BYT ≤ 30 µg/mL
3	Hàm lượng cặn khô (trong Nước ở 60°C/30 phút) /Evaporation residue (in water at 60°C for 30 min)	PL6.QCVN12-3:2011/BYT	µg/mL	< 1,0	QCVN 12-3:2011/BYT ≤ 30 µg/mL
4	Hàm lượng cặn khô (trong acid acetic 4% ở 60°C/30 phút) /Evaporation residue (in acetic acid 4% at 60°C for 30 min) *	PL6.QCVN12-3:2011/BYT	µg/mL	< 1,0	QCVN 12-3:2011/BYT ≤ 30 µg/mL

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2020/ Hanoi, 11 February, 2020

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

KHOA XÉT NGHIỆM
CHUẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THĂM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIAGNOSTICS AND TESTING

KT. GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

Ths. Nguyễn Thành Trung

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Kiều Anh

- (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Hà Nội/
The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả/
Claims will not be accepted if there is no sample in storage, or more than 5 days after issuing the test result(s).
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/
This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.



SỞ Y TẾ HÀ NỘI
HANOI DEPARTMENT OF HEALTH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
HANOI CENTER FOR DISEASE CONTROL
Địa chỉ/Address: 70 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
Tel: 0243.773.0178 Email: khoa_xet_nghiem.ytdphn@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số/No.: 20.02.03.21

- Tên mẫu/Name of sample : Nắp nhôm size 28,4x18 màu xanh với "Vodka Hanoi" in nổi do GUALA CLOSURES UKRAINE LLC sản xuất - Phần nhựa
- Tên/địa chỉ khách hàng : Công ty cổ phần cồn Rượu Hà Nội;
Name/Address of customer Số 94 Lò Đức, Phường Phạm Đình Hồ, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
- Mô tả mẫu/Description : /
- Ngày nhận mẫu/Date of receiving sample : 03/02/2019
- Người lấy/gửi mẫu/The personnel performing/sending sample(s) : Khách hàng tự gửi mẫu/ By customer
- Ngày thực hiện thử nghiệm/The dates of testing activities : 03/02/2020 - 11/02/2020
- Kết quả thử nghiệm/Test results :

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	Giới hạn cho phép Regular limit
1	Thử vật liệu : Chì (Pb) Materials testing: Lead (Pb)	PL1.1 QCVN12-1:2011/BYT	µg/g	< 0,1	QCVN 12-1:2011/BYT ≤ 100
2	Thử vật liệu : Cadimi (Cd) Materials testing: Cadmium (Cd)	PL1.1 QCVN12-1:2011/BYT	µg/g	< 0,05	QCVN 12-1:2011/BYT ≤ 100
3	Thời nhiễm Kim loại nặng (trong acid acetic 4% ở 60°C/30 phút) Elution of heavy metal (in 4% acetic acid at 60°C for 30 min)	PL2.1 QCVN12-1:2011/BYT	µg/mL	< 1,0	QCVN 12-1:2011/BYT ≤ 1
4	Hàm lượng KMnO ₄ sử dụng (trong nước ở 60°C/30 phút) Quantity of KMnO ₄ consumed (in water at 60°C for 30 min)	PL2.2 QCVN12-1:2011/BYT	µg/mL	< 1,0	QCVN 12-1:2011/BYT ≤ 10
5	Hàm lượng cặn khô (trong Heptan ở 25°C/1 giờ); Evaporation residue (in Heptan at 25°C for 1 hour)	PL2.5 QCVN12-1:2011/BYT	µg/mL	< 1,0	QCVN 12-1:2011/BYT ≤ 30
6	Hàm lượng cặn khô (trong etanol 20% ở 60°C/30 phút) Evaporation residue (in acetic ethanol 20% at 60°C for 30 min)	PL2.5 QCVN12-1:2011/BYT	µg/mL	< 1,0	QCVN 12-1:2011/BYT ≤ 30
7	Hàm lượng cặn khô (trong Nước ở 60°C/30 phút); * Evaporation residue (in water at 60°C for 30 min)	PL2.5 QCVN12-1:2011/BYT	µg/mL	< 1,0	QCVN 12-1:2011/BYT ≤ 30
8	Hàm lượng cặn khô (trong acid acetic 4% ở 60°C/30 phút); Evaporation residue (in acetic acid 4% at 60°C for 30 min)	PL2.5 QCVN12-1:2011/BYT	µg/mL	< 1,0	QCVN 12-1:2011/BYT ≤ 30

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2020 / Hanoi, 11 February, 2020

PHÒNG KIỂM NGHIỆM
LABORATORY

KHOA XÉT NGHIỆM
CHUẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH, THĂM ĐO CHỨC NĂNG
DEPARTMENT OF IMAGING, DIANOSTICS AND TESTING

KT. GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

Ths. Nguyễn Thành Trung

Bs. Nguyễn Mạnh Hùng



- (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025/ (*) Characteristic recognized by ISO/IEC 17025
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/Test result(s) are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Hà Nội/ The test report must not be reproduced wholly or partly without the written approval of Hanoi Center for Disease Control.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày trả kết quả/ Claims will not be accepted if there is no sample in storage, or more than 5 days after issuing the test result(s).
- Phiếu kết quả này được làm thành 02 bản: 01 bản trả cho khách hàng; 01 bản lưu tại Khoa Xét Nghiệm, chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng/ This test result is printed in 02 copies: 01 copy is provided to the customer, the other copy is stored at the Department of Imaging, Diagnostics and Testing.

NGUYỄN THỊ KIỀU ANH